



Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho Quý II năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 06 năm 2019

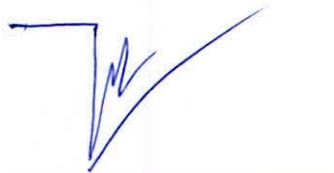
VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		94.175.218.907	152.438.149.410
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	61.727.267.924	7.470.663.246
111	▪ Tiền		1.440.253.255	970.663.246
112	▪ Các khoản tương đương tiền		60.287.014.669	6.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.770.286.715	144.418.664.667
132	▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn		20.000.000	-
135	▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn		30.000.000.000	-
136	▪ Phải thu ngắn hạn khác	5	1.750.286.715	144.418.664.667
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		677.664.268	548.821.497
151	▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	8	153.882.810	153.882.810
152	▪ Thuế GTGT được khấu trừ		523.781.458	394.938.687
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.826.647.771.153	1.721.954.768.581
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		150.094.000	140.094.000
216	▪ Phải thu dài hạn khác	5	150.094.000	140.094.000
220	II. Tài sản cố định		918.969.949	1.007.902.525
221	▪ Tài sản cố định hữu hình	6	918.969.949	1.007.902.525
222	- Nguyên giá		1.067.190.909	1.067.190.909
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(148.220.960)	(59.288.384)
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		1.824.232.644.858	1.719.226.742.370
251	▪ Đầu tư vào công ty con	7	1.826.832.958.388	1.721.827.055.900
254	▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.600.313.530)	(2.600.313.530)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.346.062.346	1.580.029.686
261	▪ Chi phí trả trước dài hạn	8	1.346.062.346	1.580.029.686
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.920.822.990.060	1.874.392.917.991

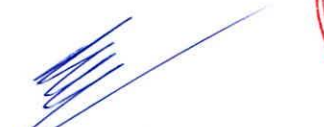
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		50.902.856.253	525.228.907
310	I. Nợ ngắn hạn		50.902.856.253	525.228.907
311	▪ Phải trả cho người bán ngắn hạn	9	150.689.915	348.264.067
313	▪ Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	10	261.987.800	100.161.790
315	▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	11	413.251.000	18.598.000
319	▪ Phải trả ngắn hạn khác	12	50.076.927.538	58.205.050
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.869.920.133.807	1.873.867.689.084
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.869.920.133.807	1.873.867.689.084
411	▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.1	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	▪ Thặng dư vốn cổ phần	13.1	174.000.000.000	174.000.000.000
421	▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.1	(10.092.846.193)	(6.145.290.916)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(6.145.290.916)	(668.742.967)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(3.947.555.277)	(5.476.547.949)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.920.822.990.060	1.874.392.917.991



Vũ Minh Đức
Người lập biểu



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2019

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	1.259.246.667	295.248.954	1.578.762.289	751.532.047
22	7. Chi phí tài chính	15	(232.013)	(710.253.425)	(232.013)	(1.692.753.425)
23	<i>Trong đó: chí phí lãi vay</i>		(232.013)	(710.253.425)	(232.013)	(1.692.753.425)
25	8. Chi phí bán hàng	16	-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(3.193.575.450)	(454.132.841)	(5.517.591.557)	(622.742.742)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.934.560.796)	(869.137.312)	(3.939.061.281)	(1.563.964.120)
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác		(984.691)	-	(8.493.996)	-
40	13. Lợi nhuận khác		(984.691)	-	(8.493.996)	-
50	14. Lợi nhuận thuần trước thuế		(1.935.545.487)	(869.137.312)	(3.947.555.277)	(1.563.964.120)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế		(1.935.545.487)	(869.137.312)	(3.947.555.277)	(1.563.964.120)


 Vũ Minh Đức
 Người lập biểu


 Nguyễn Thảo
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thiên Trúc
 Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		(3.947.555.277)	(1.563.964.120)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	▪ Khấu hao TSCĐ	6	88.932.576	-
05	▪ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.578.762.289)	(751.532.047)
06	▪ Chi phí lãi vay	15	232.013	1.692.753.425
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.437.152.977)	(622.742.742)
09	▪ (Tăng)/giảm các khoản phải thu		118.227.586.529	(385.090.705)
11	▪ Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		440.680.823	37.939.749.375
12	▪ (Tăng)/giảm chi phí trả trước		233.967.340	-
14	▪ Tiền lãi vay đã trả		(232.013)	(1.702.653.750)
15	▪ Thuế TNDN đã nộp		(68.955.965)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		113.395.893.737	35.229.262.178
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	▪ Tiền chi các khoản đầu tư ngắn hạn		(30.000.000.000)	-
25	▪ Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(30.000.000.000)	(1.551.562.958.000)
27	▪ Tiền thu lãi tiền gửi		860.710.941	1.052.893.179
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(59.139.289.059)	(1.550.510.064.821)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

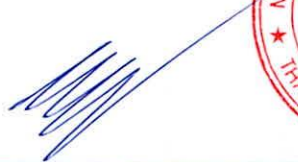
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/09/2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/09/2017
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	• Vốn góp của chủ sở hữu		-	1.469.567.970.000
33	• Tiền thu từ đi vay	13	376.377.250	20.000.000.000
34	• Tiền chi trả nợ gốc vay	13	(376.377.250)	(50.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	1.439.567.970.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		54.256.604.678	(75.712.832.643)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	7.470.663.246	90.001.280.783
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	61.727.267.924	14.288.448.140



Vũ Minh Đức
Người lập biểu



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 16 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp, trong đó:

▶ ***Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (“ACC”)***

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0304918352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. ACC có trụ sở chính tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng đại diện đăng ký tại Tầng 11, Tòa nhà Vinamilk, Số 10 đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, ACC cũng có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm 96,34% phần vốn chủ sở hữu và 96,34% quyền biểu quyết trong ACC.

▶ ***Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (“AFI”)***

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3700916876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm 64,01% phần vốn chủ sở hữu và 64,01% quyền biểu quyết trong AFI.

▶ ***Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (“ACP”)***

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long, giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm 73,42% phần vốn chủ sở hữu và 73,42% quyền biểu quyết trong ACP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính tại Lô số 18A VSIP II - A, đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm 76,96% phần vốn chủ sở hữu và 76,96% quyền biểu quyết trong APIS.

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính tại Lô C-9F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFC là sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC.

▶ **Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("ACHS")**

ACHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 2901627664 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; xay xát, sản xuất chế biến tinh bột sắn; trồng cây lấy củ có chất bột; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; sản xuất đường; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất các loại bánh từ bột.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm 65% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACHS.

▶ **Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Éch Vàng ("GF")**

GF là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0302536319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 2 năm 2002 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. GF có trụ sở chính tại số 31 Đường số 8, Khu Công nghiệp Việt Nam Singapore, Khu phố Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của GF là sản xuất hương liệu và tinh dầu tự nhiên cho ngành công nghiệp thực phẩm và giải khát; và chiết xuất tinh chất phục vụ việc sản xuất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm giữ 49,7% phần vốn chủ sở hữu và 51,6% quyền biểu quyết trong GF.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ *Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC")*

AIC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. AIC có trụ sở chính tại Phòng số 4 tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm giữ 96,2% phần vốn chủ sở hữu và 99.84% quyền biểu quyết trong AIC.

▶ *Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd (ACC PTE)*

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty nắm giữ 96,3% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và thuyết minh số 7. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
---------------------	-------

3.5 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7. Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.10 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Tiền mặt	147.019.399	4.729.889
Tiền gửi ngân hàng	1.293.233.856	965.933.357
Các khoản tương đương tiền (*)	60.287.014.669	6.500.000.000
Tổng cộng	61.727.267.924	7.470.663.246

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi ngân hàng	94.643.130	427.397
Lãi cho vay công ty con	623.835.615	-
Tạm ứng cho nhân viên	695.175.700	197.945.000
Đặt cọc mua cổ phần (*)	-	25.000.000.000
Phải thu cổ tức công ty con	-	118.883.660.000
Phải thu ngắn hạn khác	336.632.270	336.632.270
Tổng cộng	<u>1.750.286.715</u>	<u>144.418.664.667</u>
Dài hạn		
Đặt cọc thuê văn phòng	150.094.000	140.094.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	-
Tổng cộng	<u>150.094.000</u>	<u>140.094.000</u>

(*) Số dư thể hiện khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Viết Hùng theo hợp đồng mua cổ phần Á Châu Hoa Sơn ngày 26 tháng 12 năm 2018 liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 4.420.000 cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết (tương ứng với 65% vốn điều lệ) vào Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (Thuyết minh số 14).

6. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND	
	Phương tiện vận tải	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		1.067.190.909
Mua mới		-
Số cuối năm		<u>1.067.190.909</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm		59.288.384
Khấu hao trong năm		88.932.576
Số cuối năm		<u>148.220.960</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>1.007.902.525</u>
Số cuối năm		<u>918.969.949</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 06 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Hoá chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34%	818.734.555.900	96,34%	818.734.555.900
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01%	503.512.000.000	64,01%	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42%	233.613.000.000	73,42%	233.613.000.000
Công ty Cổ phần Apis	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96%	128.067.500.000	76,96%	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực Phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Đang hoạt động	100,00%	37.900.000.000	100,00%	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản...	Đang hoạt động	65,00%	105.005.902.488		
TỔNG CỘNG				1.826.832.958.388		1.721.827.055.900
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(2.600.313.530)		(2.600.313.530)
ĐẦU TƯ THUẬN				1.824.232.644.858		1.719.226.742.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	153.882.810	153.882.810
Tổng Cộng	153.882.810	153.882.810
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	54.953.256	27.267.802
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà xưởng	1.250.640.540	1.502.880.720
Chi phí khác	40.468.550	49.881.164
Tổng Cộng	1.346.062.346	1.580.029.686

9. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Phải trả các công ty khác	150.689.915	348.264.067
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>	-	171.185.826
<i>Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam</i>	-	54.015.000
<i>Công Ty TNHH United Design</i>	86.102.541	86.102.541
<i>Agoda Company Pte, Ltd.</i>	18.095.085	-
<i>Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nhị Gia</i>	23.918.500	11.431.700
<i>Others</i>	22.573.789	25.529.000
Tổng cộng	150.689.915	348.264.067

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31/12/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 30/06/2019
Phải nộp				
Thuế TNDN	68.955.965	-	(68.955.965)	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.205.825	474.213.900	(243.431.925)	261.987.800
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	12.231.578	(12.231.578)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Tổng cộng	100.161.790	489.445.478	(327.619.468)	261.987.800

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Lương mềm và lương tháng 13	273.251.000	18.598.000
Khác	140.000.000	-
Tổng cộng	413.251.000	18.598.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Kinh phí công đoàn	12.820.000	-
Phải trả mua cổ phần công ty con	50.005.902.488	-
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 18)	57.000.000	57.000.000
Phải trả khác	1.205.050	1.205.050
Tổng cộng	50.076.927.538	58.205.050

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

				VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	18.000.000.000	-	(668.742.967)	17.331.257.033
Tăng vốn	1.469.567.970.000	-	-	1.469.567.970.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	(1.563.964.120)	(1.563.964.120)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	<u>1.487.567.970.000</u>	<u>-</u>	<u>(2.232.707.087)</u>	<u>1.485.335.262.913</u>

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.706.012.980.000	174.000.000.000	(6.145.290.916)	1.873.867.689.084
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	(3.947.555.277)	(3.947.555.277)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>(10.092.846.193)</u>	<u>1.869.920.133.807</u>

13.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Vốn cổ phần đã góp	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần đã góp	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Nguyễn Thiên Trúc	701.790.480.000	70.179.048	41,14	701.790.480.000	70.179.048	41,14
Ông Nguyễn Bảo Tùng	288.746.730.000	28.874.673	16,93	288.746.730.000	28.874.673	16,93
Penm III Germany GMBH & Co.KG	229.039.570.000	22.903.957	13,43	229.039.570.000	22.903.957	13,43
Cổ đông khác	486.436.200.000	48.643.620	28,51	486.436.200.000	48.643.620	28,51
TỔNG CỘNG	1.706.012.980.000	170.601.298	100	1.706.012.980.000	170.601.298	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.706.012.980.000	18.000.000.000
Tăng trong năm	-	1.688.012.980.000
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>
Cổ tức đã chia	-	-

13.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30/06/2019</i>	<i>Ngày 31/12/2018</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>
	<i>30/06/2019</i>	<i>30/06/2018</i>
Lãi tiền gửi	954.926.674	629.230.677
Lãi tiền cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh 18</i>)	623.835.615	122.301.370
Tổng cộng	<u>1.578.762.289</u>	<u>751.532.047</u>

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>
	<i>30/06/2019</i>	<i>30/06/2018</i>
Chi phí lãi vay bên liên quan (<i>Thuyết minh 18</i>)	-	1.692.753.425
Chi phí lãi vay	232.013	-
Tổng cộng	<u>232.013</u>	<u>1.692.753.425</u>

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>
	<i>30/06/2019</i>	<i>30/06/2018</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.517.591.557	622.742.742
Chi phí lương	3.381.585.000	163.125.000
Chi phí khấu hao và hao mòn	88.932.576	-
Chi phí khác	2.047.073.981	459.617.742
Tổng cộng	<u>5.517.591.557</u>	<u>622.742.742</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2019	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018
Lỗ kế toán trước thuế	(3.947.555.277)	(1.563.964.120)
<i>Thuế suất là 20% áp dụng cho Công ty</i>	<i>(789.511.055)</i>	<i>(312.792.824)</i>
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	789.511.055	312.792.824
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	68.955.965	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(68.955.965)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

17.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

18. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018
Công Ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Cho vay	30.000.000.000	-
		Lãi cho vay phát sinh	623.835.615	-
Công Ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Nhận cổ tức	118.883.660.000	-
Công Ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Mua hàng	2.836.364	-
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Nhà đầu tư	Trả tiền gốc vay	-	50.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	1.483.000.000
		Lãi vay đã trả (không gồm thuế TNCN)	-	1.621.575.000
		Thuế TNCN phát sinh từ chuyển nhượng cổ phần	-	900.000
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Nhà đầu tư	Thuế TNCN phát sinh từ chuyển nhượng cổ phần	-	14.400.000
Công Ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	-	12.000.000.000
		Nhận tiền gốc cho vay	-	12.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	209.753.425
		Nhận lãi cho vay	-	122.301.370
Công Ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
		Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	37.900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

18. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30/06/2019	Ngày 31/12/2018
Các khoản cho vay				
Công Ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Vay ngắn hạn	30.000.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn				
Công Ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Cổ tức phải thu	-	118.883.660.000
Công Ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Lãi cho vay	623.835.615	-
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Nhà đầu tư	Phải thu thuế TNCN phát sinh từ chuyển nhượng cổ phần	14.914.000	14.914.000
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Nhà đầu tư	Phải thu thuế TNCN phát sinh từ chuyển nhượng cổ phần	12.600.000	12.600.000
Phải trả khác				
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Nhà đầu tư	Khoản tiền mượn tạm của ông Nguyễn Thiên Trúc lúc mới thành lập doanh nghiệp	57.000.000	57.000.000

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	615.531.240	615.531.240
Từ 1 đến 5 năm	307.765.620	615.531.240
TỔNG CỘNG	923.296.860	1.231.062.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

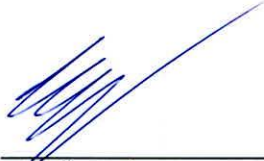
vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

20. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2019